

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 25 - 8 - 2023.

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng.

Ông Trần Văn Mỹ Phúc .

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “*yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Mộng T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Số nhà 130, ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Minh Tấn, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số nhà 41, đường T, Phường N, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2023 nguyên đơn bà Đặng Thị Mộng T trình bày: Bà và ông Lê Minh T quen biết nhau là do mai mối, được sự đồng ý của hai bên cha, mẹ. Năm 1994 ông, bà về chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định, chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, nên bà T yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông T. Bà và ông T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Lê Đặng Phước A, sinh ngày 14/11/2001, hiện nay đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung; Không có không yêu cầu giải quyết.

Ông Lê Minh T (bị đơn) trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà T là đúng, ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T vì không có đăng ký kết hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Mộng T và ông Lê Minh T tổ chức lễ cưới năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên bà T có đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông T, ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, bà T và ông T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Theo chứng cứ do bà T cung cấp có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của hai bên đương sự, được biết bà T và ông T có tổ chức lễ cưới vào năm 1994, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc, nên bà T có đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông T và ông T cũng đồng ý với yêu cầu của bà T. Xét thấy, bà T và ông T có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ, chồng mà không đăng ký kết hôn, nên việc hai bên có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà T và ông T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Lê Đặng Phước A, sinh ngày 14/11/2001, hiện nay đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, do đó bà T phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đặng Thị Mộng T và ông Lê Minh T.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Đặng Thị Mộng T nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0002211 ngày 04/7/2023, bà T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS TP V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thanh Hồng

